

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11-6-2019
Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Vi Văn T, sinh năm: 1948; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị V, sinh năm: 1948; địa chỉ: Số X đường C, tổ 11, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Vi Văn T trình bày:

Ông Vi Văn T và bà Vũ Thị V kết hôn vào năm 1974, theo Giấy công nhận kết hôn do UBHC xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/10/1974. Quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về nhiều vấn đề, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà V vào miền Nam sinh sống nên đã sống ly thân hơn 30 năm nay. Sau đó, ông T kết hôn với bà Lô Thị T, sinh năm: 1963 và có một con

chung là anh Vi Văn Q. Hiện nay ông T đã có gia đình mới nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông T, bà V có một con chung là anh Vy Văn H, sinh ngày 01/11/1978, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ở xa, đã lớn tuổi, sức khỏe yếu và điều kiện đi lại khó khăn nên không thể tham gia những buổi làm việc của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa và Tòa án các cấp. Vì vậy, ông T đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xét xử vụ án.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn bà Vũ Thị V trình bày:

Bà Vũ Thị V và ông Vi Văn T đăng ký kết hôn vào năm 1974, tại UBHC xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05/10/1974. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung là anh Vy Văn Đ, sinh ngày 04/7/1975 và anh Vy Văn H, sinh ngày 01/11/1978. Sau khi sinh anh H thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên tự sống ly thân. Năm 1981, bà V đưa hai con vào miền Nam sinh sống, trong thời gian này phương tiện đi lại, liên lạc khó khăn nên ít khi liên lạc với nhau và xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên để mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Một thời gian thì ông T đi thêm bước nữa và đã có con riêng, trên giấy tờ ông T và bà V vẫn là vợ chồng do chưa làm thủ tục ly hôn, nhưng đã một thời gian dài không còn quan tâm gì đến nhau, giữa hai người chỉ có mối quan hệ ràng buộc là con chung nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung: Có hai người con chung là anh Vy Văn Đ, sinh ngày 04/7/1975 (đã chết năm 2003) và anh Vy Văn H, sinh ngày 01/11/1978, hiện nay đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay tuổi cao sức yếu đi lại khó khăn, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật và giữ nguyên lời trình bày trong bản tự khai ngày 22/5/2019 và Biên bản lấy lời khai ngày 22/5/2019.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Vi Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng ông T yêu cầu xin ly hôn với bà V được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông T và bà V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Ông T và bà V tự nguyện sống chung có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn ông T và bà V sống chung hạnh phúc đến năm 1980 thì phát sinh mâu thuẫn, năm 1981 bà V đưa con vào miền Nam sinh sống. Trong thời gian này mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau, ông T đã lập gia đình mới và đã có con riêng cho thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Có hai người con chung là anh Vy Văn Đ, sinh ngày 04/7/1975 (đã chết năm 2003) và anh Vy Văn H, sinh ngày 01/11/1978, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T là người đã trên 60 tuổi được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn T về việc “*Ly hôn*” đối với bà Vũ Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vi Văn T được ly hôn với bà Vũ Thị V.
- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho ông Vi Văn T.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu ...

Võ Hoàng Đức